

Số: 262/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 21 tháng 7 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Mai Thị T**, bà **Nguyễn Thị Lệ D** có đơn rút yêu cầu độc lập về tiền, vàng cho vay (mượn) đối với bà **Nguyễn Thị Kim L**, ông **Bùi Công T1**.

Căn cứ vào điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tách vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc: Ly hôn, nuôi con và tranh chấp quyền, nghĩa vụ tài sản chung về hợp đồng vay tiền, thành hai vụ án khác nhau để giải quyết được nhanh chóng, thuận tiện và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời có thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự (Quyết định tách số 10/2026/QĐ-TA ngày 21/7/2026), cụ thể:

Vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023, về việc: Ly hôn, nuôi con và tranh chấp quyền, nghĩa vụ tài sản chung, giữa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim L** đối với bị đơn ông **Bùi Công T1** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị Mỹ D1**, anh **Bùi Nguyễn Công Đ** và con chung **Bùi Nguyễn Công Đ**, **Bùi Nguyễn Diệp N**.

Vụ án thụ lý số 337/2026/TLST-HNGĐ ngày 21/7/2026, về việc: Tranh chấp quyền, nghĩa vụ tài sản chung về hợp đồng vay tiền, giữa nguyên đơn bà **Mai Thị T**, bà **Nguyễn Thị Lệ D** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim L**, ông **Bùi Công T1** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Nguyệt N1**, bà **Nguyễn Thị Thúy L1**.

Việc rút yêu cầu của bà **Mai Thị T**, bà **Nguyễn Thị Lệ D** là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án chấp nhận.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số: 337/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026, về việc: Tranh chấp quyền, nghĩa vụ tài sản chung, giữa:**

*- Nguyên đơn:*

Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1944. Địa chỉ: **khóm B, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay ấp Đ, xã L, tỉnh Vĩnh Long)**.

Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979

Ông Bùi Công T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ), xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt N1, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm B, thị trấn L, huyện D, Trà Vinh (nay Đình Củ, xã L, Vĩnh Long).

Bà Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay phường T, tỉnh Vĩnh Long).

## 2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Về quyền khởi kiện lại vụ án: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

## 3. Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Lệ D đã nộp 11.000.000 đồng, theo biên lai thu số: 0014493 ngày 06/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Đối với bà Mai Thị T là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện, theo quy định tại các điều 12, 13, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên về án phí không xử lý.

4. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

## Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 14-Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14-Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## THẨM PHÁN

Kim Thị Hồng Nga